TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Bản
2. Ông Lê Thế Hải

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trần Hữu C - Sinh năm 1977
Địa chỉ: thôn T, xã T (xã T cũ), tỉnh Thanh Hóa
Có mặt

Bị đơn: chị Quách Thị T - Sinh năm 1982
Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã T (xã T cũ), tỉnh Thanh Hóa.
Nơi làm việc: Tổ dân phố số F, xã P, thành phố Hà Nội.
Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị T: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh S - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2024* và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Hữu C trình bày:

Về hôn nhân: Anh C và chị Quách Thị Tình tự N sống chung như vợ chồng từ năm 2000 nhưng đến ngày 25/3/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã Y, tỉnh Thanh Hóa). Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ngày 04/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Như Thanh cũ, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử cho anh và chị T ly hôn. Theo đó, Tòa án đã giao cho anh trực tiếp nuôi cháu Trần Hữu K, sinh ngày 08/08/2005; giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Trần Hữu K1, sinh ngày 17/01/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Kể từ khi ly hôn, cháu K1 không ở với chị T mà ở với anh cùng cháu K và ông bà nội cho đến nay. Hằng ngày, cháu K1 được anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón đi học. Trong cuộc sống, cháu K1 rất thân thiết với anh trai là Trần Hữu K. Do cháu K bị thiểu năng trí tuệ nên anh mong muốn hai con được ở với nhau để tiện chăm sóc nhau.

Anh C nhận thấy: Bản thân anh có đủ các điều kiện về công việc, thu nhập ổn định; anh có nhà và đất ở, gần trường học và có đủ cá điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy con. Ngược lại, từ sau khi ly hôn, chị T không trực tiếp nuôi cháu K1. Bản thân chị không có công việc và thu nhập ổn định; chị cũng không có nơi ở cố định; do đó, chị T không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Vì vậy, anh Trần Hữu C khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Theo đó, anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hữu K1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Trần Hữu C còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Bản sao giấy khai sinh của cháu Trần Hữu K1; Bản án (xử cho anh và chị T ly hôn); 01 Bản sao căn cước công dân của anh C; 01 Bản tự khai của anh C; 01 Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 06/01/2025.

** Ý kiến của bị đơn Quách Thị T:* Tại bản tự khai ngày 06/01/2025 và bản tự khai ngày 09/6/2025, chị T không chấp nhận yêu cầu của anh C, vì lý do: Chị đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Hữu K1.

Kèm theo bản tự khai, chị T đã nộp cho Tòa án Đơn xin xét xử vắng mặt; Đơn xin miễn án phí và căn cước công dân của chị (bản sao có chứng thực).

** Tòa án đã thông báo* yêu cầu các bên đương sự giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con chưa thành niên. Thực hiện yêu cầu của Tòa án, các bên đương sự đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Anh Trần Hữu C đã giao nộp các tài liệu:

+ Đơn xin xác nhận của UBND xã T cũ (nay là UBND xã T và Đơn xin xác nhận của trường Tiểu học T2: Nội dung đơn thể hiện: Anh C có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng/tháng; có chỗ ở ổn định tại nơi cư trú của cháu K1. Từ khi anh A C và chị T ly hôn, cháu K1 luôn ở với anh C, không ở với chị T. Cháu được anh C đưa đón đi học và đóng góp các khoản tiền học của cháu. T1 nơi cháu K1 học ở gần nơi cư trú của cháu.

- Chị Quách Thị T không nộp tài liệu, chứng minh điều kiện nuôi con theo yêu cầu của Tòa án.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2025, cháu Trần Hữu K1 trình bày:* Từ khi anh C bà chị T ly hôn, cháu luôn ở với bố, được bố chăm sóc chu đáo và tạo điều kiện tốt cho cháu học tập. Nay cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố và anh trai (Trần Hữu K)

** Tòa án đã tiến hành xác minh* điều kiện nuôi con chưa thành niên của anh C, chị T và việc bảo đảm quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Kết quả xác minh như sau:

- Biên bản xác minh nơi cư trú của anh C thể hiện (thông tin do ông Lâm Văn D - Bí thư chi bộ thôn T cung cấp):

+ Hiện nay, anh C và chị T có đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, huyện N cũ (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa.

+ Sau khi ly hôn, anh C cùng hai con của anh và chị T là Trần Hữu K và Trần Hữu K1 đều đang sống tại địa phương.

+ Chị T không có mặt tại địa phương và cũng không có thông tin về nơi ở, công việc và thu nhập của chị.

- Biên bản xác minh nơi làm việc của chị T thể hiện (thông tin do anh Nguyễn Thành Đ - chủ nhà nghỉ Sao Đêm cung cấp):

+ Chị Quách Thị T có làm tạp vụ tại nhà nghỉ S1 từ tháng 3/2025 đến nay. Địa chỉ nhà nghỉ :, thị trấn P, huyện P cũ (nay là xã P), thành phố Hà Nội;

+ Thời gian làm việc của chị T: 10 giờ/ngày, 07 ngày/tuần;

+ Thu nhập của chị T: 10.000.000đồng/tháng

+ Chị T không lưu trú tại một nơi cố định. Hôm thì ở lại nhà nghỉ, hôm thì về phòng trọ ở Hà Nội.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Hữu C vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.
- Chị Quách Thị T và bà Nguyễn Thị H đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn.
- Chị T đề nghị miễn nộp tiền án phí cho bị đơn.

Phần tranh luận:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (bà Nguyễn Thị H) phát biểu tranh luận: Tại Bản án số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 04/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Như Thanh cũ, tỉnh Thanh Hóa đã giao cho anh C trực tiếp nuôi cháu K,

chị T trực tiếp nuôi cháu K1 là công bằng, nay anh C đề nghị được nuôi cháu K1 là thiệt cho chị T. Chị T có nơi ở là quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất - tài sản chung hợp nhất của chị và anh C chưa chia nên đảm bảo được nơi ở của cháu K1. Chị T cũng có công việc và thu nhập nên đảm bảo được đời sống vật chất cho chị và cháu K1.

- Anh C đối đáp: Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, anh C không chấp nhận để chị T nuôi cháu K1, nhưng Tòa án xử cho chị T nuôi nên anh không làm khác được. Sau khi ly hôn, mặc dù không ai ép buộc nhưng chị Tình tự Ý bỏ đi lao động xa nhà và để cháu K1 cho anh nuôi; trong thời gian đó chị không quan tâm, chăm sóc đến cháu nên chị đã không hoàn thành nghĩa vụ của người mẹ. Thậm chí, quá trình giải quyết vụ án, chị còn cung cấp sai địa chỉ làm việc; tại phiên tòa hôm nay chị cũng không nhớ được địa chỉ nhà trọ nơi chị ở. Vì vậy chị T không thể đảm bảo nơi ở ổn định cho cháu K1 nếu chị trực tiếp nuôi cháu.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn và bị đơn cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Trần Hữu C. Theo đó, xử giao cho anh Trần Hữu C trực tiếp nuôi cháu Trần Hữu K1; chị Quách Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C. Về án phí, đề nghị buộc chị Quách Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã T, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[2] *Về trách nhiệm nuôi con chưa thành niên:* Cháu Trần Hữu K1, sinh ngày 17/01/2016 là con chung của anh Trần Hữu C và chị Quách Thị T. Khi ly hôn, Tòa án đã giao cho chị Quách Thị T trực tiếp nuôi cháu K1. Sau khi ly hôn, chị T không trực tiếp nuôi cháu K1 mà để cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Vì vậy, chị T đã vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ngược lại, Sau khi ly hôn, anh C luôn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hữu K1 và tạo điều kiện tốt cho cháu học tập.

[3] *Về điều kiện nuôi con chưa thành niên:* Việc chị T thường xuyên vắng nhà; không có nơi ở ổn định (có lúc ngủ lại nơi làm việc, có lúc về phòng trọ), nếu trực tiếp nuôi cháu K1, chị sẽ không đáp ứng được điều kiện có nơi ở ổn định cho cháu. Điều đó dẫn đến xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng không tốt đến quá trình học tập của cháu K1. Điều đó chứng tỏ chị Quách Thị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Ngược lại, anh C và cháu K1 hiện có nơi ở lâu dài; bản thân anh có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo đời sống vật chất cho anh và các con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu K1 là được ở với anh C.

Từ những nhận định trên, xét thấy cần thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Trần Hữu K1 là phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật HNGĐ. Theo đó, cần giao cho anh Trần Hữu C trực tiếp nuôi con chung của anh và chị Quách Thị T là cháu Trần Hữu K1. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Trần Hữu C không yêu cầu chị Quách Thị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T không có ý kiến gì về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[6] *Về án phí:* Xã nơi chị T đăng ký hộ khẩu thường trú (xã T, huyện N cũ), nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa không phải là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ nên chị T không được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U. Do đó, chị Quách Thị T thuộc trường hợp phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 81; Điều 82; Điều 83; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; cụ thể như sau:

- Giao cho anh Trần Hữu C trực tiếp nuôi con chung của anh và chị Quách Thị T là cháu Trần Hữu K1, sinh ngày 17/01/2016; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Quách Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Hữu C không phải chịu án phí nên được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh cũ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số: 0003554, ngày 06/01/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy